TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Quốc Võ

2. Ông Hà Văn Quen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Minh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2017/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 về "*Tranh chấp về ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị C, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: khóm 1, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Ông Tô Minh X, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khóm 1, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31-7-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Trương Thị C trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Tô Minh X tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 06/3/2007 tại UBND thị trấn D, huyện D, (nay là UBND phường 1, thị xã D), tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông X ghen tuông vô cớ và có lời lẽ xúc phạm bà. Ông X cho rằng bà có quan hệ bên ngoài. Từ đó bà làm gì, đi đâu, điện thoại cho ai ông X đều kiểm tra. Bà nhiều lần nói chuyện với ông X để vợ chồng bà hiểu nhau nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng bà ngày càng nghiêm trọng. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Tô Minh X.

- Về con chung: Bà và ông Tô Minh X có 01 con chung tên Tô Thị Hồng N, sinh năm 09/11/2006. Bà yêu cầu được nuôi cháu N, không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông Tô Minh X không có nợ chung.

Theo bản tự khai ngày 25-8-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Tô Minh X trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Trương Thị C tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn D năm 2007. Trong thời gian ông và bà C chung sống thì vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông ghen tuông đối với vợ ông. Tuy nhiên, thời gian qua ông đã sửa đổi tính tình không còn nghi ngờ hay ghen với vợ nữa. Ông mong vợ chồng ông được tiếp tục tục chung sống để lo cho con. Vì vậy, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trương Thị C.

- Về con chung: Ông và bà Trương Thị C có 01 con chung tên Tô Thị Hồng N, sinh năm 09/11/2006. Nếu vợ chồng ông phải ly hôn thì con muốn sống với ai là theo nguyện vọng của con.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông và bà Trương Thị C không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Trương Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông Tô Minh X vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, vụ án thụ lý là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật; xác định đầy đủ và đúng tư cách những người tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ đầy đủ; cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đúng với Quyết định đưa vụ án ra xét xử và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phiên tòa diễn ra đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Vị Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị C.

+ Về con chung: Vị Kiểm sát viên đề nghị giao cháu Tô Thị Hồng N cho bà C tiếp tục nuôi theo nguyện vọng của cháu N. Bà C không yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: bà C và ông X không yêu cầu và khai không có nên Vị kiểm sát viên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Trương Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Tô Minh X và yêu cầu được nuôi con chung với ông X. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Tô Minh X có nơi cư trú tại khóm 1, phường 1, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Tô Minh X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Tô Minh X.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị C và ông Tô Minh X tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện (nay là UBND phường 1, thị xã D) ngày 06-3-2007 là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà C và ông X là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa bà C và ông X có xảy ra mâu thuẫn là có thật. Vì bà C và ông X đều thừa nhận trong thời gian chung sống, ông bà có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của bà C, ông X là do ông X thường hay ghen đối với bà C làm cho vợ chồng ông bà cự cãi nhau. Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng muốn hạnh phúc là phải thương yêu nhau, cùng chung tay chăm lo, xây dựng hạnh phúc gia đình. Mâu thuẫn của bà C và ông X xảy ra từ năm 2014 nhưng đến nay ông bà vẫn không thể hàn gắn tình cảm để tiếp tục chung sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải để bà C và

ông X đoàn tụ tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, bà C vẫn một mực cương quyết yêu cầu ly hôn ông X. Tử đó, Hội đồng xét xử xét thấy bà C và ông X không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà C yêu cầu ly hôn ông X là có căn cứ chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về nuôi con chung: Bà Trương Thị C yêu cầu được nuôi cháu Tô Thị Hồng N. Ông X thì có ý kiến nếu vợ chồng ông phải ly hôn thì cháu N muốn sống với ai là theo nguyện vọng của con. Còn Tô Thị Hồng N thì có trình bày nguyện vọng được sống với bà C. Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Tô Thị Hồng N cho bà C nuôi là phù hợp quy định pháp luật và theo nguyện vọng của cháu N.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử đã giải thích rõ cho bà C biết khi yêu cầu được quyền nuôi cháu Tô Thị Hồng N thì có quyền yêu cầu ông Tô Minh X cấp dưỡng nuôi con nhưng bà C không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về tài sản chung: Bà C và ông X không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nợ: Bà C và ông X khai thống nhất không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: *"Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn..."*. Vì vậy, bà Trương Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị C. Bà Trương Thị C được ly hôn ông Tô Minh X.

2. Về con chung: Bà Trương Thị C được quyền tiếp tục nuôi cháu Tô Thị Hồng N, sinh ngày 09/11/2006 theo nguyện vọng của cháu Tô Thị Hồng N.

Ông Tô Minh X có quyền thăm nom cháu Tô Thị Hồng N, không ai được cản trở ông X thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi cần thiết và có yêu cầu của các bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương Thị C không yêu cầu ông Tô Minh X cấp dưỡng nuôi cháu Tô Thị Hồng N nên không xem xét.

4. Về tài sản chung: Bà Trương Thị C và ông Tô Minh X không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về nợ: Bà Trương Thị C và ông Tô Minh X khai không có nợ ai nên không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà Trương Thị C phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0012041 ngày 08-8-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Trương Thị C đã nộp xong án phí. Ông Tô Minh X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn bà Trương Thị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Tô Minh X có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tấn Thanh